| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỐNG NHẤT**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **13** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2020
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đào Thị Kiều Vân**.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Bà Đặng Thị Thơm.
- Bà Huỳnh Ngọc Hoa.

***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà **Ngô Phương Hoàng Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc *"tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm: 1986.

HKTT: Số nhà 131/1, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 52/1A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai *(có mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Đoàn P – Đoàn Luật sư Đồng Nai *(có mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Tiến Đ**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số nhà 131/1, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (*vắng mặt)*.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đi đến kết hôn. Chị và anh Đ đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2007. Sau khi cưới, anh chị sống chung với gia đình chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, kể từ sau khi chị sinh con đầu lòng thì vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ thường nghe lời mẹ chồng, kiếm chuyện gây gổ dẫn đến vợ chồng phát sinh cãi vã. Tuy nhiên, vì các con còn nhỏ nên chị bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng chung sống làm ăn, lo cho các con. Từ sau khi anh chị ra sống riêng (năm 2012), mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều hơn nhưng chị cố gắng để lo cho con, nhưng từ khoảng giữa năm 2019 vợ chồng chị thường hay xảy ra bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi nhau và xúc phạm danh dự lẫn nhau. Anh Đ thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị T có tình cảm với người đàn ông khác. Trong khi chị T xác định chỉ là những mối quan hệ trong công việc làm ăn buôn bán của chị, mẹ chồng chị cũng buôn bán chung nên biết rõ điều này. Bản thân chị T đã nhiều lần giải thích nhưng anh Đ không nghe, thời gian qua anh Đ nhiều lần có hành vi đánh đập, đe dọa giết chị T, làm chị hoảng loạn tinh thần, không dám chung sống với anh Đ. Chị T cũng đã trình báo sự việc trên cho chính quyền địa phương. Do không thể chung sống với anh T nên ngày 13/9/2019 chị T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh Đ không còn sự quan tâm đến nhau, anh Đ nhiều lần kiếm chị cũng chỉ để gây gổ rồi cãi nhau. Gia đình hai bên cũng không thể nói chuyện hòa giải cho anh chị. Chi T xác định không còn tình cảm để chung sống với anh Đ, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Tiến Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh Đ chung sống có 03 con chung là cháu Đỗ Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 21/11/2008, Đỗ Hoàng Xuân Q, sinh ngày 23/11/2010 và Đỗ Hoàng Xuân P, sinh ngày 21/11/2014. Thời gian anh chị ly thân thì các con do anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, khoảng tháng 01/2020 anh Đ đưa các con về cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Hoàng Xuân P, đồng ý giao các con là Đỗ Hoàng Xuân Tr và Đỗ Hoàng Xuân Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng do ý kiến của các con tại Tòa án có nguyện vọng chung sống với anh Đ. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng để phụ anh Đ nuôi 01 con là cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung:  Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị T khai vợ chồng chị không có khoản nợ chung, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đỗ Tiến Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thừa nhận quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn như đúng như trình bày của chị T, đây là hôn nhân lần đầu của cả anh Đ và chị T Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mặc dù cũng có mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên trầm trọng kể từ tháng 9/2019. Theo anh, do chị T có biểu hiện không chung thủy trong quan hệ vợ chồng như thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại cho cùng một số điện thoại, khi anh Đ hỏi thì chị T không thừa nhận làm cho anh thường nghi ngờ dẫn đến cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Chị T nhiều lần tự ý dọn đồ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Anh Đ thừa nhận cũng nhiều lần, trong lúc nóng giận anh Đ có to tiếng với chị T, giữa vợ chồng có xảy ra xô xát, có lần được Công an xã mời làm việc và hòa giải cho vợ chồng. Ngày 13/9/2019, sau khi vợ chồng xảy ra tranh cãi chị T đã chuyển về nhà mẹ ruột để sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh Đ không đồng ý vì xác định anh Đ vẫn còn thương vợ con, anh Đ mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Đỗ Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 21/11/2008, Đỗ Hoàng Xuân Qr, sinh ngày 23/11/2010 và Đỗ Hoàng Xuân P , sinh ngày 21/11/2014. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các Đỗ Hoàng Xuân Tr và Đỗ Hoàng Xuân Q, anh Đ đồng ý giao cháu Đỗ Hoàng Xuân P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:***

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật, chưa có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bên đương sự về nuôi con, giao các cháu Đỗ Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 21/11/2008, Đỗ Hoàng Xuân Q, sinh ngày 23/11/2010

cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Hoàng Xuân P, sinh ngày 21/11/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng.

**** Ý kiến của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:***

Tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Đỗ Tiến Đ đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tú. Chị T và anh Đ đều thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, chị T đề nghị cấp dưỡng nuôi con (cháu Q) là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Cẩm T tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Cẩm T đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Anh Đỗ Tiến Đ có địa chỉ tại: số nhà 131/1 ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Đỗ Tiến Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T, anh Đ tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 09/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do giữa chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm. Chị T cho rằng anh Đ đã làm tổn thương chị đến mức không còn tình cảm để về chung sống, do thời gian qua anh Đ nhiều lần có hành vi đánh đập, đe dọa giết chị T, làm chị hoảng loạn tinh thần, không dám chung sống với anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ trình bày việc chị Tú có quan hệ tình cảm với người khác là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng anh. Tuy nhiên, anh cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc chị T có quan hệ tình cảm với người khác như trình bày. Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà thường xuyên gây gổ, tranh cãi làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng. Tại Tòa án, ý kiến của anh Đ không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nhưng anh Đ đều vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú: Tại các biên bản xác minh ngày 06/11/2019, đại diện Công an và Hội Phụ nữ xã G cho biết chị T nhiều lần liên hệ Công an xã để tố cáo và nhờ can thiệp việc chị T bị anh Đ đánh. Công an xã có lần yêu cầu anh Đ viết cam kết không lập lại hành vi đánh chị T. Nguyên nhân sự việc mâu thuẫn xảy ra là do anh Đ nghi ngờ chị T có tình cảm với người khác.

Tại bản tự khai đề ngày 15/10/2019, ông Nguyễn Văn D là cha ruột của chị T cho biết vợ chồng chị T, anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Đ nhiều lần đánh đập, chửi bới, bôi nhọ chị T. Ông D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ để giải thoát cho chị T.

Xét nguyện vọng của chị T xin ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T anh Đ không hạnh phúc, cuộc sống anh chị đã thiếu sự tôn trọng, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị T, anh Đ có 03 con chung là Đỗ Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 21/11/2008, Đỗ Hoàng Xuân Q, sinh ngày 23/11/2010 và Đỗ Hoàng Xuân P, sinh ngày 21/11/2014. Ý kiến của anh Đ và chị T thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con việc anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Q, chị T nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy anh Đ và chị T đều đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con, việc thỏa thuận nuôi con của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các con trên 09 tuổi. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận về thỏa thuận nuôi con chung của chị T, anh Đ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T trình bày do anh Đ nuôi 02 con nên chị sẽ cấp dưỡng phụ anh Đ nuôi cháu Q 2.000.000 đồng mỗi tháng đến khi cháu 18 tuổi. Anh Đ cũng có ý kiến yêu cầu chị Tú cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q nên có đề nghị cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị T anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự đều thống nhất trình bày không có nợ chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết, do vậy không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T về ly hôn và nuôi con chung.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Đỗ Tiến Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Xuân P sinh ngày 21/11/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao các cháu Đỗ Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 21/11/2008 và Đỗ Hoàng Xuân Q, sinh ngày 23/11/2010 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có nghĩa cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Q, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Đỗ Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm đối với vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007686 ngày 11/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị T phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Thi hành án dân sự H. Thống Nhất;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Kiều Vân**